

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/DS-ST

Ngày: 28/4/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng

Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Tài chính A;**

Địa chỉ trụ sở: lầu X Tòa nhà X, số A đường P, phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu S - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình L, sinh năm 1997; địa chỉ liên hệ: lầu X Tòa nhà X, số A đường P, phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo văn bản ủy quyền ngày 05/12/2022.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trường G**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: số C khu phố B, phường N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Ông L có đề nghị giải quyết vắng mặt; Ông G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, ông Phạm Đình Long là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Tài chính A trình bày:

Ngày 25/4/2015, ông Nguyễn Trường G đã ký Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W002004226 (viết tắt thỏa thuận tín dụng) với Công ty Tài chính A (viết tắt Công ty A). Theo thỏa thuận tín dụng, Công ty A cho ông G vay số tiền là 24.225.000 đồng với lãi suất 56%/năm, lãi suất hàng tháng thực tế là 4,67%, ông G vay tiền với mục đích mua xe máy nhãn hiệu Sym Attila Venus Smart, biển kiểm soát 71B2-XYZSD, số khung W, số máy U. Theo thỏa thuận tín dụng, vào ngày 20 hàng tháng, 17 tháng đầu ông G có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A mỗi tháng với số tiền là 2.018.736 đồng, tháng cuối cùng thanh toán 855.244 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 20/5/2015 và kỳ thanh toán cuối cùng vào ngày 20/10/2016. Từ khi vay đến nay, ông G chưa thanh toán cho Công ty A lần nào.

Kể từ thời điểm xảy ra vi phạm, Công ty A đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu ông G tuân thủ nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty A theo thỏa thuận tín dụng. Tuy nhiên, ông G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và còn nợ Công ty A với số tiền 34.449.323 đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền gốc chưa thanh toán: 24.225.000 đồng.
- Tiền lãi chưa thanh toán theo thỏa thuận tín dụng: 6.267.587 đồng.
- Tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 3.956.736 đồng.

Do đó, nay Công ty A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông G thanh toán cho Công ty A số tiền 34.449.323 đồng.
- Buộc ông G phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông G không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Công ty A không yêu cầu ông G thanh toán thêm các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm khởi kiện (ngày 05/12/2022) đến khi Tòa án xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Trường G được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông G vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện

đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với ông G là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy được ký kết vào ngày 25/4/2015 giữa Công ty Tài chính A với ông Nguyễn Trường G thể hiện Công ty A cấp vốn cho ông G mua xe máy với số tiền 24.225.000 đồng, thời hạn trả góp 18 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A cho rằng ông G đã vi phạm thỏa thuận tín dụng đã ký kết nên nay Công ty A khởi kiện yêu cầu ông G thanh toán tiền cho Công ty theo thỏa thuận tín dụng nêu trên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty A khởi kiện yêu cầu ông G trả tiền gốc và lãi, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo thỏa thuận tín dụng thể hiện ông G có địa chỉ tại số C khu phố B, phường N, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Trường G theo đúng quy định tại các điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông G vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc ông G vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đồng thời, ông Phạm Đình Long là người đại diện theo ủy quyền của Công ty A có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty A và

ông G theo quy định của tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét Thỏa thuận tín dụng được ký kết ngày 25/4/2015:

[2.1] Thỏa thuận tín dụng ngày 25/4/2015 được ký kết giữa Công ty A với ông G đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa đôi bên. Theo thỏa thuận, ông G sẽ thanh toán cho Công ty A số tiền gốc là 24.225.000 đồng, số kỳ trả góp 18 tháng, khoản trả góp hàng tháng 2.018.736 đồng, lãi suất thực tế tháng 4,67%, ngày trả góp đầu tiên là ngày 20/5/2015. Tuy nhiên, từ khi ký thỏa thuận tín dụng đến nay, ông G không thanh toán tiền gốc theo như thỏa thuận nêu trên. Như vậy, ông G đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty A. Do đó, căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Công ty A khởi kiện yêu cầu ông G phải thanh toán cho Công ty A số tiền gốc là 24.225.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 3 mục III Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, khoản 4 Điều 4 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước, khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 2 Điều 4 Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty A và căn cứ mục 5.8 Thỏa thuận tín dụng ngày 25/4/2015, Công ty A yêu cầu ông G thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận tín dụng với số tiền 6.267.587 đồng và tiền lãi quá hạn với số tiền 3.956.736 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của Công ty A được chấp nhận nên ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $34.449.323 \text{ đồng} \times 5\% = 1.722.500$ (làm tròn); Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính A về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" với bị đơn ông Nguyễn Trường G, cụ thể:

1.1. Buộc ông Nguyễn Trường G có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính A tổng số tiền là 34.449.323 (ba mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm hai mươi ba) đồng, trong đó: tiền gốc 24.225.000 (hai mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi lăm) đồng, tiền lãi trong hạn 6.267.587 (sáu triệu, hai trăm sáu mươi bảy, năm trăm tám mươi bảy) đồng, tiền lãi quá hạn 3.956.736 (ba triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi sáu) đồng theo Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W002004226 ngày 25/4/2015 được ký kết giữa Công ty Tài chính A với ông Nguyễn Trường G.

1.2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí:

Ông Nguyễn Trường G có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 1.722.500 (một triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm) đồng.

Công ty Tài chính A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 862.000 (tám trăm sáu mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010177 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Công ty Tài chính A và ông Nguyễn Trường G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố B (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Thanh Như

